

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 21-9-2017.

V/v “xin ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị L
với ông Trần Văn T.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Phong** - Thẩm phán.

- Các hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Duyên**.

- Ông **Nguyễn Ry**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Hà Vi**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên toà: Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 91/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 4, xã L1, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ph**- Sinh năm 1975.

Địa chỉ: 161A, Nguyễn Văn Cừ, phường L2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**– Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 4, xã L1, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thể hiện như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng mà nguyên nhân chủ yếu là do bà L bị vô sinh nên ông T chán nản không quan tâm chăm sóc đến gia đình, đôi lúc ông T có đánh đập bà L. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà L xin được ly hôn với ông T.

Ý kiến của ông T: Ông và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đôi khi vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông T thỉnh thoảng có đánh bà L. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nguyên nhân là do bà L tự ý bỏ nhà đi. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn do vậy ông T không đồng ý ly hôn với bà L.

2. Về con:

Ý kiến bà L và ông T: Quá trình chung sống ông T và bà L có nhận nuôi 01 người con tên là Trần Thiên P- Sinh ngày 19/5/2013. Nếu ly hôn ông T yêu cầu được nhận nuôi con là cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L cũng đồng ý giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

Ý kiến bà L và ông T: Quá trình chung sống bà L và ông T có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận chia với nhau.

4. Về nợ chung:

Ý kiến của bà L và ông T: Quá trình chung sống bà L và ông T không có vay nợ chung ai.

Tại phiên tòa bà L thay đổi một phần yêu cầu của mình bà L yêu cầu được nhận nuôi con là cháu P cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2017. Ông T thay đổi một phần lời trình bày của mình. Ông T đồng ý được ly hôn với bà L, nếu giao con cho bà L nuôi dưỡng ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Xử cho bà L và ông T được ly hôn vì hiện nay bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng.

Về con: Đề nghị hội đồng xét xử giao con cho bà L nuôi dưỡng vì bà L hiện bị bệnh vô sinh không sinh đẻ được.

Về cấp dưỡng: Đề nghị hội đồng xét xử buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Xử cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T được ly hôn.

Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thiên P- Sinh ngày 19/5/2013 cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST xin ly hôn, ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà L xin được ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý được ly hôn với bà L. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng **khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con: Quá trình chung sống ông T và bà L có nhận nuôi 01 người con tên là Trần Thiên P- Sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn bà L yêu cầu nhận nuôi con. Ông T cũng yêu cầu được nuôi con qua xem xét thấy rằng hiện nay cháu P còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ đồng thời hiện nay bà L bị bệnh vô sinh không thể sinh đẻ được. Bản thân bà L cũng đủ điều kiện để nuôi con, do vậy cần giao con là Trần Thiên P- Sinh ngày 19/5/2013 cho bà L nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[3]Về cấp dưỡng nuôi con: Trách nhiệm nuôi con là của bố và mẹ, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy cần buộc ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu P với số tiền 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận chia với nhau. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Quá trình chung sống bà L và ông T không có vay nợ chung ai. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, ông T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị L** về việc “*Xin ly hôn*” với ông **Trần Văn T**. Xử cho bà **Nguyễn Thị L** và ông **Trần Văn T** được ly hôn với nhau.

2/ **Về con:** Giao con là Trần Thiên P- Sinh ngày 19/5/2013 cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Buộc ông Trần Văn T có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu P với số tiền 1.500.000đ/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3/ **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn T phải nộp 300.000đ án phí DSST cấp dưỡng nuôi con.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí DSST xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ bà L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004703 ngày 10/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử P thẩm.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Đ, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Đình Phong

